

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HS-ST
Ngày 14 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm;

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Văn Mốt;

Ông Phương Ngọc Thuyên;

Ông Mã Văn Đầu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Ảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa vào các ngày 25/6/2019, 23/7/2019, 21/8/2019, 18/9/2019 đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh ngày 04/01/1976 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 06 đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1945 và bà Vũ Kim L, sinh năm 1951; chồng: Nguyễn Văn C, sinh năm 1973; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 12/4/2018 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Tài H - Luật sư văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị hại: Ông Triệu Ký V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khu P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 06 đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 38 đường T1, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1972 và ông Tô Đức T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 31 đường H, khu P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Đỗ Thị Quỳnh A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 06, ngõ 02, đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Bà Triệu Thị C, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số nhà 149, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Ông Triệu Văn T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 13 ngõ 12 đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Lý Thị N; nơi cư trú: Ngách 3, ngõ 4 đường N, tổ 4, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Hoàng Mạnh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Km 1, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

10. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1970 và ông Trần Lệnh T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 161 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, Phạm Thị T cùng chồng là Nguyễn Văn C thành lập Công ty TNHH T và mở xưởng sản xuất thùng xốp tại xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2017, Phạm Thị T kinh doanh thêm ngành nghề mua, bán và xuất, nhập khẩu gia súc. Do quá trình kinh doanh bị thua lỗ, nợ Ngân hàng đến hạn tất toán và các khoản nợ cá nhân khác không có khả năng thanh toán, nên Phạm Thị T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Triệu Ký V. Khoảng đầu tháng 5/2017, Phạm Thị T đặt vấn đề với ông Triệu Ký V cho vay tiền để nhập khẩu thiết bị máy móc từ Trung Quốc về Việt Nam, người mua hàng phía Việt Nam sẽ trả bằng đô la Mỹ (USD), tính giá quy đổi chỉ khoảng 18.000 đồng/1USD, do thời điểm này giá quy đổi trên 22.000 đồng/1USD, nếu đầu tư sẽ thu lợi nhuận cao nên ông Triệu Ký V đã đồng ý.

Ngày 05/5/2017, Phạm Thị T cùng ông Triệu Ký V sang B, tỉnh Q, Trung Quốc để gặp chủ hàng. Khi sang đến nơi, Phạm Thị T liên lạc với Hoàng Tân H (Hoàng Tân H là người Trung Quốc gốc Việt Nam) và giới thiệu Hoàng Tân H là chủ hàng bán máy móc thiết bị. Do trước đó, Phạm Thị T dẫn Hoàng Tân H nếu ông Triệu Ký V hỏi thì cứ nói là đối tác làm ăn của Phạm Thị T nên ông Triệu Ký V cũng tưởng Hoàng Tân H là chủ hàng có máy móc thiết bị bán. Sau đó, hai người đã cho nhau số điện thoại để liên lạc và ông Triệu Ký V quay về Việt Nam, còn Phạm Thị T ở lại Trung Quốc. Ngày 06/5/2017, Phạm Thị T bảo Hoàng Tân H đưa đi mở tài khoản và giúp Phạm Thị T phiên dịch. Hoàng Tân H nhờ Hoàng Tường X (là người Trung Quốc) lái xe chở Hoàng Tân H và Phạm Thị T đến thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc thuê khách sạn để nghỉ. Đến trưa ngày 07/5/2017, Hoàng Tường X đưa Hoàng Tân H và Phạm Thị T đến Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Q, Trung Quốc và Phạm Thị T đã sử dụng Hộ chiếu của mình để mở tài khoản số 6228480838875334875.

Sau khi mở tài khoản, Phạm Thị T liên lạc bảo ông Triệu Ký V chuyển tiền vào tài khoản của Phạm Thị T. Sáng ngày 08/5/2018, ông Triệu Ký V liên hệ với Hoàng Thị L làm nghề kinh doanh ngoại hối để mua 2.250.000 Nhân dân tệ (CNY), với giá quy đổi 3.264 đồng/1CNY, đồng thời cho Hoàng Thị L số tài khoản của Phạm Thị T bên Trung Quốc để chuyển tiền. Hoàng Thị L đã chuyển vào tài khoản của Phạm Thị T số tiền 2.249.800 CNY thông qua số tài khoản 6228485018698375372 mang tên Hoàng Diệu L, con gái của Hoàng Thị L mở tại Ngân hàng Trung Quốc. Buổi chiều cùng ngày, Phạm Thị T cùng Hoàng Tân H ra Ngân hàng làm thủ tục rút số tiền 389.000 CNY.

Sáng ngày 09/5/2017, ông Triệu Ký V liên hệ với Đỗ Thị X mua 3.350.000 CNY và bảo Đỗ Thị X chuyển số tiền trên vào tài khoản của Phạm Thị T bên Trung Quốc. Cùng ngày, Phạm Thị T đến Ngân hàng rút 1.800.000 CNY.

Số tiền của hai lần rút trên, Phạm Thị T đã liên hệ bán cho một người kinh doanh ngoại hối tại tỉnh Lào Cai (Phạm Thị T không nhớ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) và quy đổi ra tiền Việt Nam được 2.345.000.000 đồng, Phạm Thị T chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH T1, địa chỉ: Số 35, đường L, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai và liên lạc bảo Nguyễn Văn C liên hệ với Công ty này để nhận tiền. Cùng ngày, Nguyễn Văn C đã liên hệ nhờ Công ty TNHH T1 chuyển số tiền trên vào tài khoản số 8403201006128 của Công ty TNHH T mở tại Chi nhánh Ngân hàng AGRIBANK tỉnh Lạng Sơn để tất toán các khoản Công ty TNHH T nợ Ngân hàng trước đó.

Cũng trong ngày 09/5/2017, Phạm Thị T liên hệ với Đỗ Thị Quỳnh A làm nghề kinh doanh ngoại hối tại địa bàn thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để bán 1.300.000 CNY. Số tiền này, Đỗ Thị Quỳnh A quy đổi và trả cho Nguyễn Văn C bằng tiền Việt Nam, sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn C đã trực tiếp nộp 02 lần tổng số tiền 1.900.000.000 đồng vào tài khoản số 8403201006128 mở tại Ngân hàng AGRIBANK tỉnh Lạng Sơn, để tất toán khoản nợ trước, nộp 200.000.000 đồng vào tài khoản số 0981000407379 của Công ty TNHH T mở tại Chi nhánh

Ngân hàng VIETCOMBANK tỉnh Lạng Sơn nội dung giao dịch là đặt tiền hàng và bảo Hoàng Thị C là Kế toán nộp 2.000.000.000 đồng vào tài khoản 35110000136648 tại Chi nhánh Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn để tất toán khoản nợ trước đó của Công ty TNHH T.

Đến ngày 10/5/2017, Phạm Thị T cùng Hoàng Tân H ra Ngân hàng làm thủ tục rút 3.400.000 CNY tiền mặt, Phạm Thị T nói dối Hoàng Tân H là để đi mua USD. Sau khi rút tiền xong, Phạm Thị T xếp tiền vào va li rồi để lên xe ô tô của Hoàng Tân H. Một lúc sau, Hà là người quen của Phạm Thị T đi xe ô tô đến đón, Phạm Thị T chuyển va li tiền sang xe của H và dặn Hoàng Tân H khi nào nhận được USD sẽ liên lạc nhờ Hoàng Tân H đưa Phạm Thị T về. Sau đó H đưa Phạm Thị T đi thuê một khách sạn khác tại N, tỉnh Q, Trung Quốc. Tại đây, Phạm Thị T đã liên hệ bán cho Đỗ Thị Quỳnh A 2.098.500 CNY, Đỗ Thị Quỳnh A quy đổi và trả cho Nguyễn Văn C bằng tiền Việt Nam, sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn C đem 5.200.000.000 đồng đến nhờ Công ty Cổ phần Đ, địa chỉ: Tổ 6, khối 8, Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chuyển vào tài khoản số 8403201006128 của Công ty TNHH T mở tại Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn để tất toán. Đồng thời Nguyễn Văn C bảo Lý Thị N là Kế toán Công ty TNHH T đến Chi nhánh Ngân hàng AGRIBANK tỉnh Lạng Sơn rút 800.000.000 đồng là số tiền sau khi tất toán một số khoản nợ tại Ngân hàng AGRIBANK Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn còn dư rồi mang nộp 620.000.000 đồng vào tài khoản 35110000136648 của Công ty TNHH T mở tại Chi nhánh Ngân hàng BIDV tỉnh Lạng Sơn để tất toán khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng này. Số tiền còn thừa là 180.000.000 đồng, Lý Thị N đã đưa lại cho Nguyễn Văn C.

Sau khi bán tiền cho Đỗ Thị Quỳnh A xong, Phạm Thị T điện thoại báo Hoàng Tân H đến công một khu nhà chung cư đợi. Hoàng Tân H cùng Hoàng Tường X đi xe ô tô đến nơi và đợi ngoài cổng, đến chiều tối cùng ngày 10/5/2017, Hoàng Tân H nhận được điện thoại của Phạm Thị T nói việc bị Công an bắt và thu giữ toàn bộ số tiền; Hoàng Tân H đã ghi âm lại được cuộc đàm thoại với nội dung Phạm Thị T nói về việc mình đang bị Công an Trung Quốc bắt, thu giữ tiền và chụp ảnh Thu cùng số tiền bị giữ. Hoàng Tân H đã điện thoại cho ông Triệu Ký V về nghi vấn Phạm Thị T nói bị Công an Trung Quốc giữ tiền là để chiếm đoạt tiền của ông Triệu Ký V, đồng thời báo ông Triệu Ký V sang Trung Quốc để tìm cách giải quyết, nhưng lúc đó ông Triệu Ký V tin là Phạm Thị T nói thật về việc bị Công an Trung Quốc bắt và thu giữ tiền. Vì vậy đến khoảng 19 giờ cùng ngày, ông Triệu Ký V đến Siêu thị Đ, địa chỉ: Số 40, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn gặp Phạm Thị L (Chị gái Phạm Thị T) báo cho Phạm Thị L biết việc Phạm Thị T đang bị giữ bên Trung Quốc. Phạm Thị L đã điện thoại cho Nguyễn Văn C đến hỏi, nhưng Nguyễn Văn C không biết nội dung liên quan, ông Triệu Ký V đã yêu cầu Phạm Thị Loan và Nguyễn Văn C cùng sang Trung Quốc để giải quyết sự việc nhưng Phạm Thị Loan và Nguyễn Văn C không đồng ý.

Đến ngày 11/5/2017, Phạm Thị T tiếp tục bán cho Đỗ Thị Quỳnh A 1.300.000 CNY, Đỗ Thị Quỳnh A quy đổi và trả cho Nguyễn Văn C bằng tiền Việt Nam. Số tiền này, Nguyễn Văn C giữ lại cùng số tiền dư của lần trước.

Cùng ngày, Triệu Ký V sang Trung Quốc và đến thành phố N gặp Hoàng Tân H. Hoàng Tân H điện thoại cho Phạm Thị T nhưng không được. Sau đó Hoàng Tân H điện thoại và nhắn tin cho Trần Lệnh T (anh rể Phạm Thị T) để Trần Lệnh T liên lạc bảo Phạm Thị T điện lại thì Phạm Thị T mới điện thoại cho Hoàng Tân H, Hoàng Tân H hẹn Phạm Thị T đến một khách sạn tại N, Trung Quốc. Khi biết Phạm Thị T có ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình, ông Triệu Ký V đã cầm Hộ chiếu của Phạm Thị T, yêu cầu Phạm Thị T ở lại khách sạn bên Trung Quốc để thu xếp trả lại tiền. Ban đầu, Phạm Thị T phủ nhận việc chiếm đoạt tiền của Voòng và cho rằng bị Công an Trung Quốc bắt, thu giữ tiền, bị người khác chiếm đoạt. Khi ông Triệu Ký V dọa sẽ báo Công an Trung Quốc thì Phạm Thị T mới đồng ý trả tiền.

Ngày 12/5/2017, ông Triệu Ký V về Việt Nam, Phạm Thị T điện thoại bảo Nguyễn Văn C trả cho ông Triệu Ký V 4.500.000.000 đồng. Nguyễn Văn C đã đem số tiền này đến nhà trả cho ông Triệu Ký V. Do Phạm Thị T chưa trả hết tiền, ngày 15/5/2017, ông Triệu Ký V tiếp tục sang Trung Quốc yêu cầu Phạm Thị T phải trả tiền. Cùng ngày, Chi nhánh Ngân hàng AGRIBANK tỉnh Lạng Sơn giải ngân 4.500.000.000 đồng cho Công ty TNHH T nên Phạm Thị T bảo Nguyễn Văn C đem số tiền này trả cho ông Triệu Ký V. Nguyễn Văn C đã đem tiền đến nhà trả cho Triệu Thị C, con gái ông Triệu Ký V. Vì Phạm Thị T vẫn chưa trả hết tiền nên ông Triệu Ký V tiếp tục yêu cầu Phạm Thị T trả, Phạm Thị T hứa về Việt Nam sẽ trả hết số tiền còn lại. Ông Triệu Ký V đã yêu cầu Phạm Thị T viết giấy cam đoan số tiền mà ông Triệu Ký V chuyển cho không phải mất hay bị cướp, không phải bị Công an Trung Quốc thu giữ và hẹn từ thứ 2 đến thứ 6 tuần sau sẽ trả hết. Ngày 16/5/2017, ông Triệu Ký V và Phạm Thị T cùng về Việt Nam.

Cũng trong ngày 16/5/2017, Chi nhánh Ngân hàng AGRIBANK Lạng Sơn giải ngân 2.100.000.000 đồng cho Công ty TNHH T. Phạm Thị T bảo Nguyễn Văn C chuyển 2.000.000.000 đồng trả cho ông Triệu Ký V. Nguyễn Văn C đã làm ủy nhiệm chi chuyển số tiền này vào tài khoản của Triệu Văn T (con trai ông Triệu Ký V) mở tại Chi nhánh Ngân hàng AGRIBANK tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 08/6/2017, Phạm Thị T chuyển trả tiếp cho ông Triệu Ký V 300.000.000 đồng vào tài khoản của Triệu Văn T. Tổng cộng Phạm Thị T đã trả cho ông Triệu Ký V 11.300.000.000 đồng.

Ngoài số tiền Phạm Thị T đã trả cho ông Triệu Ký V và tiền chuyển vào các Ngân hàng nêu trên, theo như lời khai của Phạm Thị T và Nguyễn Văn C thì Phạm Thị T còn sử dụng số tiền chiếm đoạt của ông V để trả nợ cá nhân trên 1.000.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà bị cáo Phạm Thị T đã chiếm đoạt của ông Triệu Ký V là **5.599.800 CNY**, tính theo giá quy đổi mà ông Triệu Ký V mua với Hoàng Thị L và Đỗ Thị X là $5.599.800\text{CNY} \times 3.264 \text{ đồng} = \mathbf{18.277.747.200 \text{ đồng}}$. Phạm Thị T chuyển về Việt Nam và sử dụng là 5.400.000 CNY tương đương hơn 17.000.000.000 đồng. Trong đó: Phạm Thị T đã trả cho ông Triệu Ký V 11.300.000.000 đồng; tất toán các khoản nợ tại Ngân hàng BIDV

2.620.000.000 đồng, Ngân hàng AGRIBANK giữ lại không giải ngân 2.000.000.000 đồng, chuyển vào Ngân hàng VIETCOMBANK 200.000.000 đồng để đặt tiền hàng, trả nợ cá nhân khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại Phạm Thị T đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân trong thời gian lưu trú bên Trung Quốc nhưng không nhớ được cụ thể đã chi tiêu vào những việc gì. Cũng theo lời khai của Phạm Thị T thì trong quá trình giúp Phạm Thị T giao dịch tại Ngân hàng Trung Quốc, Hoàng Tân H đã giữ lại 100.000 CNY. Cơ quan điều tra đã ghi lời khai, nhưng Hoàng Tân H phủ nhận việc được giữ số tiền 100.000 CNY nói trên. Ông Triệu Ký V cũng cho rằng không có việc Hoàng Tân H giữ lại khoản tiền mà ông Voòng đã chuyển cho Phạm Thị T.

Vào thời điểm cuối năm 2017, Phạm Thị T đã bán toàn bộ thiết bị sản xuất thùng xốp của Công ty TNHH T và chiếc xe ô tô nhãn hiệu PARADO, BKS 12A- 00892 của Phạm Thị T nhưng không trả cho ông Triệu Ký V mà sử dụng số tiền bán được vào mục đích khác.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị T thay đổi lời khai như sau: Vào thời điểm đầu tháng 5/2017, ông Triệu Ký V nói là có nguồn USD giá rẻ bên Trung Quốc và bảo Phạm Thị T cùng tham gia, ông Triệu Ký V sẽ đưa tiền cho Phạm Thị T để sang Trung Quốc lấy USD về Việt Nam bán, lợi nhuận thu được sẽ chia đôi; sau đó ông Triệu Ký V cho Phạm Thị T số điện thoại của đối tác bên Trung Quốc là Hoàng Tân H để liên hệ và giao cho Phạm Thị T chịu trách nhiệm giao dịch bên Trung Quốc. Sau khi nhận được tiền của ông Triệu Ký V chuyển cho để mua USD, Phạm Thị T mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền để trả toán các khoản nợ Ngân hàng đã đến hạn và trả nợ các khoản vay cá nhân khác. Triệu Ký V phủ nhận lời khai trên và cho rằng Phạm Thị T là người trực tiếp đặt vấn đề có mối kinh doanh nhập khẩu thiết bị máy móc từ Trung Quốc về Việt Nam và khi nhập khẩu về Việt Nam, chủ hàng sẽ trả bằng USD, tính tỷ giá quy đổi trên thị trường chỉ khoảng 18.000 đồng/1USD; do thời điểm này tỷ giá quy đổi trên 22.000 đồng/1USD, nếu đầu tư sẽ thu lợi nhuận cao nên ông Triệu Ký V mới đồng ý và chuyển tiền cho Phạm Thị T. Cơ quan điều tra đã cho Phạm Thị T đối chất với ông Triệu Ký V, nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung đã khai nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Cũng tại phiên tòa bị cáo và bị hại Triệu Ký V thống nhất thỏa thuận, bị cáo Phạm Thị T phải trả lại cho bị hại Triệu Ký V toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 6.977.747.200 đồng; bị hại Triệu Ký V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa đều thừa nhận diễn biến sự việc như cáo trạng là đúng và không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thay đổi một phần nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thị T, cụ thể là bị cáo Phạm Thị T không phạm tội nhiều lần, bị cáo Phạm Thị T lừa bị hại Triệu Ký V chuyển tiền cho bị cáo Phạm Thị T 5.600.000 NYC thì bị cáo sẽ trả cho bị hại 01 triệu

USD nhưng do bị hại không gom đủ tiền một lúc nên phải chuyển tiền thành hai lần vào các ngày 08 và 09/5/2017. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p, khoản 1, 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mức án 8 đến 9 năm tù. Phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị T số tiền là 50.000.000 đồng.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường giữa bị cáo và các bị hại, cụ thể: Bị cáo phải trả cho bị hại Triệu Ký V 6.977.747.200 đồng.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 50.000.000 đồng là số tiền mà Phạm Thị T được hưởng sau khi bán xe ô tô đã thế chấp để trả khoản nợ Ngân hàng còn thừa; tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng.

Hủy bỏ Lệnh kê biên số 01 ngày 19/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị T: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục được toàn bộ hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, gia đình bị cáo thờ cúng liệt sỹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xử phạt bị cáo 7 năm tù là thỏa đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, người bào chữa và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm Thị T đã nói dối bị hại Triệu Ký V là vay tiền để kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị từ Trung Quốc về Việt Nam và khi bán lại cho người mua ở Việt Nam, chủ hàng sẽ trả bằng USD, tính tỷ giá quy đổi chỉ khoảng 18.000 đồng/1USD, ông Triệu Ký V có thể nhận lại tiền Phạm Thị T vay bằng USD. Do thời điểm này tỷ giá quy đổi trên 22.000 đồng/1USD, nếu đầu tư sẽ thu lợi nhuận cao nên ông Triệu Ký V đã đồng ý. Hai bên thỏa thuận bị hại Triệu Ký V chuyển tiền cho bị cáo Phạm Thị T 5.600.000 VNĐ thì bị cáo sẽ trả cho bị hại 01 triệu USD. Do bị hại không gom đủ tiền để chuyển một lần, nên

trong các ngày 08 và 09/5/2017, bị hại chuyển cho Phạm Thị T hai lần với số tiền là **5.599.800 CNY**, tính theo giá quy đổi mà ông Triệu Ký V mua với Hoàng Thị L và Đàm Thị X là $5.599.800\text{CNY} \times 3.264 \text{ đồng} = \mathbf{18.277.747.200 \text{ đồng}}$. Sau khi ông Triệu Ký V giữ Hộ chiếu ở bên Trung Quốc và yêu cầu Phạm Thị T trả lại tiền, Phạm Thị T đã liên hệ với chồng là Nguyễn Văn C mang tiền trả lại cho ông Triệu Ký V **11.300.000.000 đồng**. Hiện Phạm Thị T còn chiếm đoạt của ông Triệu Ký V **6.977.747.200 đồng**.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị T là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, đồng thời gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân; gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lời nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo Phạm Thị T, ngoài đánh giá về điều kiện hoàn cảnh phạm tội, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cần xem xét đến nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể như sau:

[6] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Thị T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; tại phiên tòa đã tỏ ra ăn năn hối cải về lỗi lầm của bản thân và mong muốn được hưởng lượng khoan hồng; bị cáo đã tác động cho gia đình để hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại, gia đình bố mẹ bị cáo thờ cúng liệt sỹ Phạm Văn T là chú ruột của bị cáo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[9] Khi lượng hình cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Cần xử bị cáo mức án tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến nhân thân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội, tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bị cáo làm nghề kinh doanh buôn bán nhưng do thua lỗ nên nảy sinh ý định phạm tội; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Cần áp dụng cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng chống tội phạm.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có tài sản nên cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về phần bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo Phạm Thị T phải trả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là ông Triệu Ký V là 6.977.747.200 đồng. Thỏa thuận này là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức, xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba nên cần chấp nhận. Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp trước khi xét xử số tiền 6.977.800.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, sau khi khấu trừ hoàn trả cho bị cáo 52.800 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: 02 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước; 50.000.000 đồng là số tiền mà Phạm Thị T được hưởng sau khi bán xe ô tô đã thế chấp để trả khoản nợ Ngân hàng còn thừa nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[13] Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn C (là chồng của bị cáo Phạm Thị T) và bị hại yêu cầu hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số: 01 ngày 19/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, kê biên tài sản là quyền sử dụng đất theo Biên bản kê biên tài sản lập ngày 20/7/2018. Thấy rằng, bị cáo Phạm Thị T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại nên cần chấp nhận yêu cầu hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với Hoàng Tân H: Kết quả điều tra xác định Hoàng Tân H không phải chủ hàng có máy móc thiết bị bán như Phạm Thị T đã giới thiệu với ông Triệu Ký V, cũng không phải là người quen của ông Triệu Ký V như Phạm Thị T đã khai mà là người quen của Phạm Thị T từ trước. Theo lời khai của Phạm Thị T, trong quá trình giúp Phạm Thị T giao dịch Ngân hàng bên Trung Quốc, Hoàng Tân H đã giữ lại 100.000 CNY. Cơ quan điều tra đã ghi lời khai, nhưng Hoàng Tân H phủ nhận nên không đủ căn cứ để xác định Hoàng Tân H đang giữ số tiền này.

[15] Đối với Hoàng Tường X, là người được Hoàng Tân H nhờ chở Hoàng Tân H và Phạm Thị T đi mở tài khoản bên Trung Quốc, Hoàng Tường X không quen biết Phạm Thị T. Do vậy Hoàng Tường X không liên quan đến vụ án.

[16] Đối với những cá nhân mà bị cáo Phạm Thị T sử dụng tiền chiếm đoạt của Triệu Ký V để trả nợ, Phạm Thị T và Nguyễn Văn C đều không nhớ cụ thể nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác minh, ghi lời khai làm rõ.

[17] Đối với Nguyễn Văn C, sau khi nhận được tiền của ông Triệu Ký V chuyển sang tài khoản của Phạm Thị T bên Trung Quốc, Phạm Thị T đã nhiều lần chuyển tiền về Việt Nam cho Nguyễn Văn C để tất toán các khoản vay Ngân

hàng, nộp tiền đặt hàng theo yêu cầu của Phạm Thị T. Nguyễn Văn C không biết, không được bàn bạc với Phạm Thị T để chiếm đoạt tiền của ông Triệu Ký V, cũng không được giữ khoản tiền nào trong số tiền Phạm Thị T chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam, do vậy không có cơ sở để xác định Nguyễn Văn C là đồng phạm với bị cáo Phạm Thị T trong vụ án này.

[18] Về số tiền mà Nguyễn Văn C nhờ Công ty TNHH T1 và Công ty cổ phần Đ chuyển vào tài khoản của Công ty T mở tại Chi nhánh Ngân hàng AGRIBANK tỉnh Lạng Sơn để tất toán các khoản vay, đại diện hai Công ty Thùy Linh và Công ty T2 giải trình số tiền chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH T là thanh toán tiền hàng theo hóa đơn trước đó. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Phạm Thị T và Nguyễn Văn C, cũng như tài liệu do Ngân hàng cung cấp thì số tiền mà Công ty T1 và Công ty T2 chuyển vào tài khoản là để đảo hạn các khoản nợ của Công ty TNHH T tại Ngân hàng.

[19] Về hành vi của ông Triệu Ký V giữ Hộ chiếu và yêu cầu Phạm Thị T ở lại bên Trung Quốc, sau khi phát hiện Phạm Thị T có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản, với mục đích buộc Phạm Thị T phải trả lại tiền, nên ông Triệu Ký V đã yêu cầu Phạm Thị T ở lại một khách sạn bên Trung Quốc; việc Phạm Thị T ở lại bên Trung Quốc là tự nguyện, không bị xâm phạm quyền tự do thân thể, do vậy không có căn cứ để xác định ông Triệu Ký V có hành vi giữ người trái pháp luật.

[20] Đối với đối tượng tên H, là người đã dùng xe ô tô đưa Phạm Thị T và chiếc va li tiền đến một khách sạn tại N, tỉnh Q, Trung Quốc vào ngày 10/5/2017, Phạm Thị T khai chỉ là người quen của Phạm Thị T, không biết họ, địa chỉ cụ thể bên Trung Quốc. Do không xác định được nhân thân, lai lịch và địa chỉ nơi cư trú của đối tượng nên không có cơ sở để ủy thác tư pháp.

[21] Bị cáo Phạm Thị T do bị kết án nên phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vì đã nộp toàn bộ bồi thường trước khi xét xử.

[22] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[23] Ý kiến của người bào chữa không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[24] Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

I. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 12/4/2018.

Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

II. Về phần bồi thường thiệt hại

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, cụ thể: Bị cáo Phạm Thị T phải hoàn trả cho bị hại ông Triệu Ký V số tiền là 6.977.747.200 đồng (Sáu tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng); Xác nhận bị cáo đã nộp 6.977.800.000 đồng (Sáu tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0000008 ngày 14/10/2019. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bị cáo Phạm Thị T số tiền 52.800 đồng (năm hai ngàn tám trăm đồng).

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 (một) phong bì niêm phong có 04 (bốn) con dấu tròn đỏ của Công an tỉnh Lạng Sơn và 02 (hai) chữ ký có tên ông Hoàng Văn D và Vi Quang T là thành phần tham gia niêm phong. Bên trong phong bì có 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu Việt Nam đồng).

2. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số Imei 357328089624898 lắp sim thuê bao số 069555266;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đã qua sử dụng, số Imei 359279069532106 lắp sim thuê bao 0913278892.

(Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/4/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

3. Hủy bỏ Lệnh kê biên số 01 ngày 19/7/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để đảm bảo thi hành án về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của bị cáo Phạm Thị T. Gồm: 17 thửa đất tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang: Thửa số 67, 79, 51, 60, 174, 78, 62, 112, 77, 87, 76, 59, 61, 86, 85, 69, 88. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 404189, CE 777857, CE 777852, BX 404208, CE 777861, BX 404187, CE 777845, CE 777859, CE 777858, BX 404194, BX 404201, CE 777860, CE 777855, CE 777856, CE 777853 hiện đang giao cho Nguyễn Văn C là người đứng tên quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên, có trách nhiệm quản lý, bảo quản.

IV. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết cho bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/10/2019); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
 - TAND cấp cao tại Hà Nội;
 - VKSND tỉnh Lạng Sơn;
 - Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
 - PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
 - Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
 - Trại tạm giam;
 - Bị cáo;
 - Người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP;
- KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Long Kiêm